

Bản án số: 76/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/8/2024
V/v: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Trung**.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Điệp** và ông **Hoài Đức Huệ**.
- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Hương Thủy** – Kiểm sát viên.

Ngày **26 tháng 8 năm 2021**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số **216/2024/TLST-HNGĐ** ngày **21 tháng 5 năm 2024** về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **1280/2024/QĐXXST-HNGĐ** ngày **23 tháng 7 năm 2024** và Quyết định hoãn phiên tòa số **1364/2024/QĐST-HNGĐ** ngày **08 tháng 8 năm 2024**, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Mỹ T**, sinh năm 1999;
Địa chỉ: **Tổ B, ấp K, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang**.
Nơi ở hiện nay: **Ấp E, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai**.
- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1988;
Địa chỉ: **Ấp V, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang**.
Nơi ở hiện nay: **Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai**.

(các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày **09 tháng 5 năm 2024**, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, chị **Trương Thị Mỹ T** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **T** và anh **D** tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau, chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **V, huyện V, tỉnh Hậu Giang** và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 127, ngày 16 tháng 11 năm **2022**

Chị **T** và anh **D** chung sống hạnh phúc được năm đầu. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng kéo dài. Nguyên nhân do anh **D** có lối sống không lành mạnh, gây ra nợ nần và đã nhiều lần lừa dối chị **T** về chuyện tiền bạc. Chị **T** đã khuyên anh **D** nhiều lần nhưng anh **D** vẫn không thay đổi nên vợ chồng không còn sự tin tưởng lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, chung sống không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng bản thân chị **T** và anh **D** đã tự hòa giải, được gia đình hai bên khuyên bảo để quay về chung sống với nhau nhưng không có kết quả. Chị **T** và anh **D** đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị **T**, anh **D** mỗi người có cuộc sống riêng, độc lập về kinh tế, không còn sự quan tâm chăm sóc cho nhau, không ai liên lạc và chủ động hòa giải. Chị **T** xác định giữa chị **T** và anh **D** không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy, chị **T** yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị **T** được ly hôn với anh **D**.

Về con chung: Chị **T** và anh **D** chung sống có 01 con chung là **Nguyễn Trương An T1**, sinh ngày 30/9/2022. Ly hôn, chị **T** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tạm thời không yêu cầu anh **D** cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận công việc làm ở xa nên chị **T** xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh **Nguyễn Văn D** đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị **T** là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị **T** được ly hôn với anh **D**. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Nguyễn Trương An T1**, sinh ngày 30/9/2022, chấp nhận giao cháu **T1** cho chị **T** được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh **D** cấp dưỡng nuôi con là phù hợp do chị **T** có nguyện vọng nuôi con, thực tế chị **T** đang là người trực tiếp nuôi con và anh **D** không có ý kiến phản hồi. Về tài sản chung, nợ chung đương sự trình bày không có, nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị **T** phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị **Trương Thị Mỹ T** nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1988 có hộ khẩu thường trú tại ấp V, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang và hiện sinh sống tại khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên theo

quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

2.1 Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh D tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của chị T nhận thấy: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh D và thực tế chị T và anh D đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi, đồng thời Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh D để làm việc, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D vắng mặt thể hiện việc anh D không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ. Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa chị T và anh D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh D là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

2.2 Về con chung: Chị T trình bày có 01 con là Nguyễn Trương An T1, sinh ngày 30/9/2022. Hiện nay do chị Trương Thị Mỹ T đang trực tiếp nuôi dưỡng, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Vì anh D vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến phản hồi về con chung nên Hội đồng xét xử thấy nên giữ nguyên tình trạng ban đầu, giao con chung Nguyễn Trương An T1 cho cho chị Trương Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh D được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273, Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **chị Trương Thị Mỹ T** về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” với **anh Nguyễn Văn D.**

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: **Chị Trương Thị Mỹ T** được ly hôn với **anh Nguyễn Văn D.**

2. Về con chung: Giao con chung **Nguyễn Trương An T1**, sinh ngày 30/9/2022 cho **chị Trương Thị Mỹ T** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời **anh D** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh D được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: **Chị Trương Thị Mỹ T** phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0017810** ngày **16 tháng 5 năm 2024** tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch. **Chị Trương Thị Mỹ T** đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh
- VKSND huyện Nhơn Trạch;
- THADS huyện Nhơn Trạch;
- UBND xã **Vĩnh Tường**, huyện **Vị Thủy**, tỉnh **Hậu Giang** (Giấy CNKH số: **127**, ngày **16/11/2022**)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Trung

Căn cứ vào: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273, Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **chị Trương Thị Mỹ T** về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” với **anh Nguyễn Văn D.**

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: **Chị Trương Thị Mỹ T** được ly hôn với **anh Nguyễn Văn D.**

2. Về con chung: Giao con chung **Nguyễn Trương An T1**, sinh ngày 30/9/2022 cho **chị Trương Thị Mỹ T** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời **anh D** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh D được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: **Chị Trương Thị Mỹ T** phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0017810** ngày **16 tháng 5 năm 2024** tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch. **Chị Trương Thị Mỹ T** đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi ĐK KH;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Trung